TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 211/2026/QĐST-DS	*Gia Lai, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 119/2026/TLST-DS ngày 06.3.2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/02/1973.
Số CCCD: 05217301**** do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021.
Quê quán (theo CCCD): phường N, thành phố Q, tỉnh B – Nay là phường Q, tỉnh G.
Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường Q, tỉnh G.

Bị đơn: Bà Phan Thị C, sinh ngày 10/02/1972.
Số CCCD: 05217202**** do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 20/6/2024.
Quê quán (theo CCCD): xã H, thị xã H1, tỉnh B – Nay là phường Đ, tỉnh G.
Địa chỉ: A, khu phố B, phường Q, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số nợ: Hiện nay bà Phan Thị C còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 1.350.000.000 đồng *(Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).*

- Về thời hạn và phương thức trả: Bà Phan Thị C phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.350.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) nói trên một lần chậm nhất vào ngày 16/4/2026.

- Về án phí DSST: Bị đơn bà Phan Thị C tự nguyện chịu 26.250.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi triệu đồng).* Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T 26.250.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo theo biên lai thu số 0001677 ngày 04 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;*
- *THADS tỉnh Gia Lai;*
- *Lưu hồ sơ.*

Trần Thị Định